

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 06 tháng đầu năm 2024)

STT	Nội dung	Thực chi quý II	Số lũy kế đến kỳ báo cáo
A	KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN	3.715.366.000	3.715.366.000
1	Tiền lương	1.767.071.300	1.767.071.300
	Lương theo ngạch, bậc	1.603.315.000	1.603.315.000
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	163.756.300	163.756.300
2	Phụ cấp lương	713.537.600	713.537.600
	Phụ cấp chức vụ	51.840.000	51.840.000
	Phụ cấp ưu đãi nghề	440.879.100	440.879.100
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	5.220.000	5.220.000
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	215.598.500	215.598.500
3	Các khoản đóng góp	476.854.400	476.854.400
	Bảo hiểm xã hội	355.104.000	355.104.000
	Bảo hiểm y tế	60.875.300	60.875.300
	Kinh phí công đoàn	40.583.200	40.583.200
	Bảo hiểm thất nghiệp	20.291.900	20.291.900
4	Thanh toán dịch vụ công cộng	27.967.900	27.967.900
	Tiền điện	23.288.100	23.288.100
	Tiền nước	4.679.800	4.679.800
5	Vật tư văn phòng	30.924.100	30.924.100
	Văn phòng phẩm	17.375.200	17.375.200
	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	3.000.000	3.000.000
	Vật tư văn phòng khác	10.548.900	10.548.900
6	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	10.096.200	10.096.200
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	795.400	795.400
	Cước phí bưu chính	615.800	615.800
	Thuê bao vệ tinh; thuê bao truyền hình; cước phí Internet; thuê bao đường truyền mạng	8.685.000	8.685.000
7	Hội nghị	1.674.000	1.674.000
	Chi phí khác	1.674.000	1.674.000

STT	Nội dung	Thực chi quý II	Số lũy kế đến kỳ báo cáo
8	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	23.272.000	23.272.000
	Các thiết bị công nghệ thông tin	4.680.000	4.680.000
	Tài sản thiết bị văn phòng	18.592.000	18.592.000
9	Chi khác	39.319.500	39.319.500
	Chi tiếp khách	6.000.000	6.000.000
	Các khoản chi khác	33.319.500	33.319.500
10	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	19.440.000	19.440.000
	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp uỷ	19.440.000	19.440.000
11	Chi cho các sự kiện lớn	33.209.000	33.209.000
	Chi kỉ niệm các ngày lễ lớn	33.209.000	33.209.000
12	Chi lập các Quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	572.000.000	572.000.000
	Chi lập Quỹ phúc lợi	342.000.000	342.000.000
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	230.000.000	230.000.000
B	KINH PHÍ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	914.077.000	914.077.000
1	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	49.637.000	49.637.000
	Nhà cửa	49.637.000	49.637.000
2	Mua sắm tài sản vô hình	2.000.000	2.000.000
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	2.000.000	2.000.000
3	Chi khác	862.440.000	862.440.000
	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	832.440.000	832.440.000
	Chi các khoản khác	30.000.000	30.000.000
	Cộng:	4.629.443.000	4.629.443.000

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Kim Huệ

Ninh Bình, ngày 01 tháng 07 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Cảnh